

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 1643017 - Tin học Kế toán
Lớp :

STC : 4(60,0,0,0,0,0) Lần thi : 1
Năm học : 2012-2013 Học kỳ : 2

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Lê Vũ	Kiệt	3342010034	25/11/1990	,00	,00	,00	
2	Võ Hữu	Lộc	3371010248	25/06/1991	6,00	4,00	5,00	
3	Phan ThịTrúc	Đào	3440000017	01/01/1993	6,00	5,00	5,50	
4	Lê Thị	Mỹ	3440000041	16/03/1984	7,00	5,00	6,00	
5	Dương Minh	Nhật	3440000043	24/10/1995	,00	,00	,00	
6	Nguyễn ThịThanh	Tuyền	3440000074	14/07/1988	6,00	6,00	6,00	
7	Cao Thị Bích	Thủy	3542010030	01/10/1992	6,00	4,00	5,00	
8	Nguyễn Thị Diệu	Huyền	3542010031	06/08/1992	7,00	6,00	6,50	
9	Lê Thị Hồng	Trà	3542010034	17/01/1993	6,00	4,00	5,00	
10	Phan Thanh	Tuấn	3542010065	16/02/1993	6,00	5,00	5,50	
11	Nguyễn Thị Mỹ	Lượng	3542010067	21/07/1993	6,00	4,00	5,00	
12	Nguyễn Thị	Lanh	3542010069	06/11/1993	7,00	5,00	6,00	
13	Nguyễn Thị Thu	Hiền	3542010075	17/12/1993	5,00	2,00	3,50	
14	Nguyễn Thị Thanh	Hường	3542010079	29/06/1993	6,00	5,00	5,50	
15	Trần Thị	Phượng	3542010094	12/08/1993	6,00	5,00	5,50	
16	Trương Thị Bích	Như	3542010107	06/05/1991	7,00	7,00	7,00	
17	Nguyễn Xuân	Triệu	3542010111	26/08/1993	7,00	5,00	6,00	
18	Hà Thanh	Tâm	3542010116	14/11/1991	6,00	5,00	5,50	
19	Trương Tấn	An	3542010120	07/1989	6,00	6,00	6,00	
20	Lâm Thị Ngọc	Huyền	3542010130	26/09/1993	7,00	5,00	6,00	
21	Nguyễn Ngọc Mỹ	Trang	3542010138	20/12/1993	3,00	1,00	2,00	
22	Nguyễn Thị Hồng	Vân	3542010141	11/12/1993	3,00	2,00	2,50	
23	Nguyễn Thị	Rỡ	3542010145	24/04/1993	6,00	4,00	5,00	
24	Nguyễn Thị	Như	3542010169	16/08/1992	6,00	5,00	5,50	
25	Nguyễn Thị Yên	Thi	3542010171	07/06/1993	6,00	4,00	5,00	
26	Ngô Minh	Thoại	3542010175	30/05/1993	6,00	5,00	5,50	
27	Trần Thị Thu	Hà	3542010182	14/08/1988	6,00	5,00	5,50	
28	Nguyễn Thị Kiều	Hoa	3542010188	02/03/1993	6,00	4,00	5,00	
29	Nguyễn Trọng	Nhân	3542010189	29/06/1993	,00	,00	,00	
30	Nguyễn Thanh	Nhật	3542010193	24/03/1993	6,00	4,00	5,00	
31	Từ Gia	Hân	3542010224	05/03/1992	,00	,00	,00	
32	Lương Bửu	Chi	3542010253	18/12/1991	4,00	6,00	5,00	
33	Đặng Ngọc	Xuyên	3542010277	01/04/1993	3,00	2,00	2,50	
34	Trương Bá	Học	3542010280	00/ /1992	6,00	4,00	5,00	
35	Lê Thị Tuyết	Ngân	3542010295	15/10/1993	3,00	1,00	2,00	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Nguyễn Thị	Vinh	3542010354	16/04/1988	6,00	5,00	5,50	
37	Nguyễn Thị	Thom	3542010403	22/02/1985	7,00	6,00	6,50	
38	Nguyễn Thị	Hoài	3542010487	03/03/1993	5,00	3,00	4,00	
39	Phan Văn	Công	3542010491	25/05/1991	,00	,00	,00	
40	Nguyễn Thiên	Tài	3542010518	25/07/1992	7,00	6,00	6,50	
41	Trương Thị Minh	Trinh	3542010525	01/01/1993	,00	,00	,00	
42	Trần Thị Mỹ	Liên	3542010539	06/08/1992	7,00	6,00	6,50	
43	Nguyễn Thị Thu	Hương	3542010549	20/08/1993	7,00	6,00	6,50	
44	Châu Cẩm	Lìn	3542010567	12/06/1990	6,00	5,00	5,50	
45	Đinh Thị Phương	Dung	3542010571	26/11/1992	4,00	6,00	5,00	
46	Nguyễn Thị Thanh	Ngân	3542010576	23/09/1993	,00	,00	,00	
47	Đào Phương	Lan	3542010581	28/10/1993	6,00	4,00	5,00	
48	Trịnh Thu	Trang	3542010600	28/09/1992	4,00	2,00	3,00	
49	Cao Thị Kim	Hồng	3542010685	28/02/1983	6,00	4,00	5,00	
50	Nguyễn Hữu	Mỹ	3544010043	04/10/1992	6,00	5,00	5,50	

Tổng số : SV

TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 08 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)